

CTCP Địa ốc Chợ Lớn (HNX: RCL)

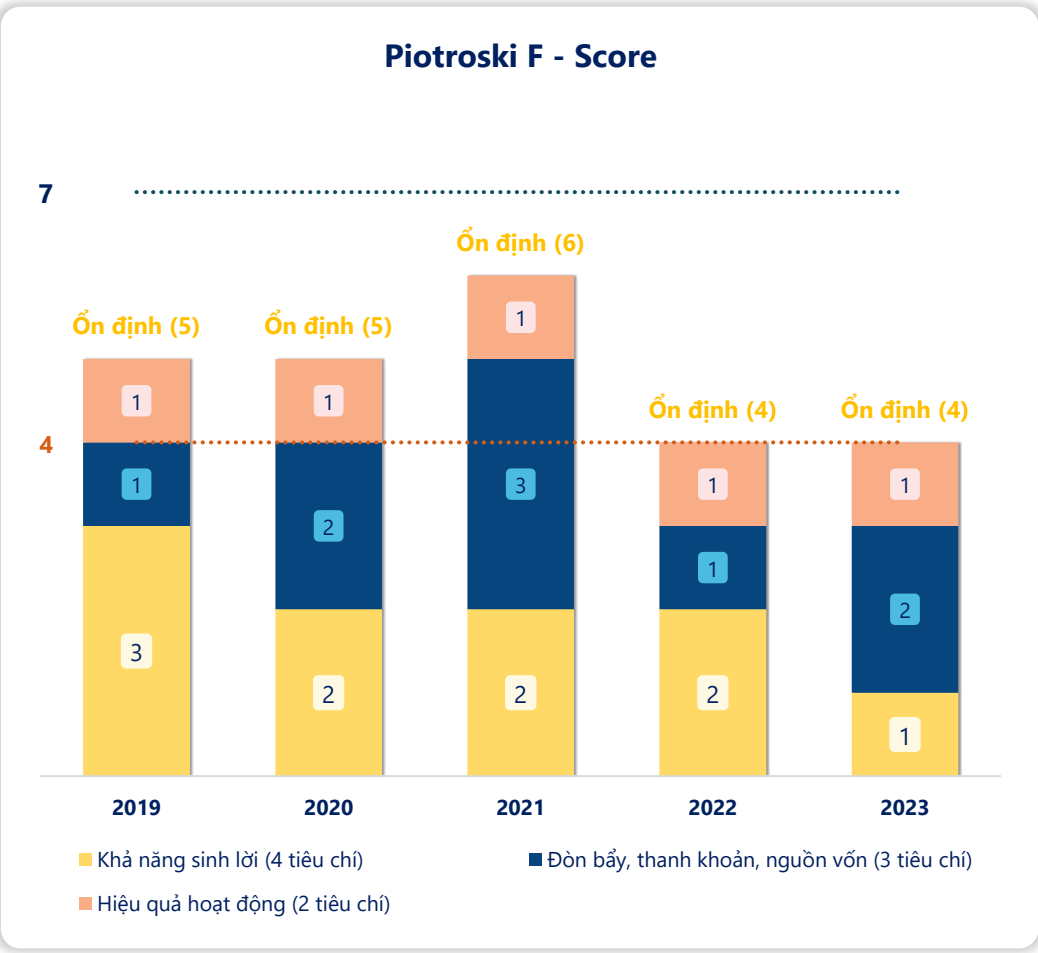
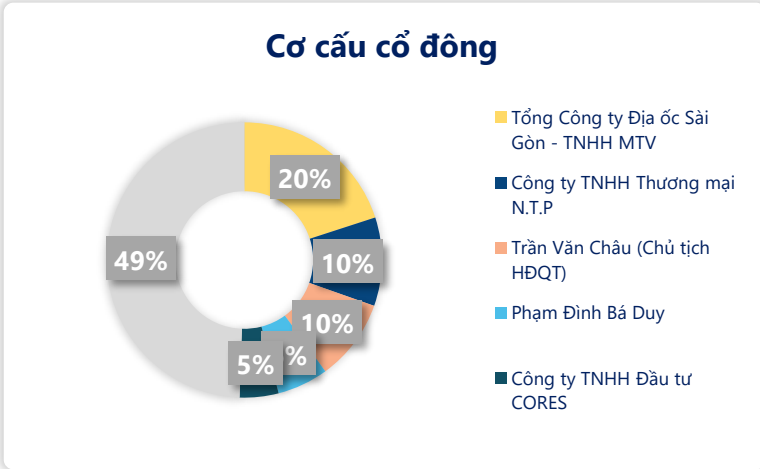
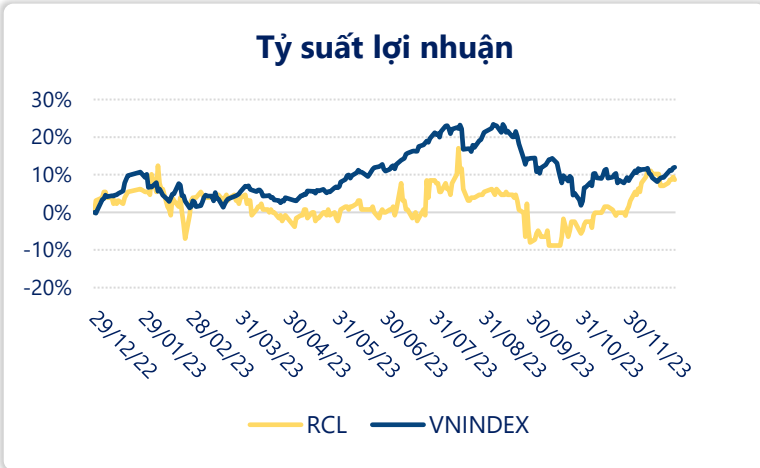
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	13,700 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.0%	15.1%	9.5%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	4/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023	YoY
	13.6	▼ 67.8
	tỷ VNĐ	▼ 83.3%

LN sau thuế	2023	YoY
	1.16	▼ 6.75
	tỷ VNĐ	▼ 85.3%

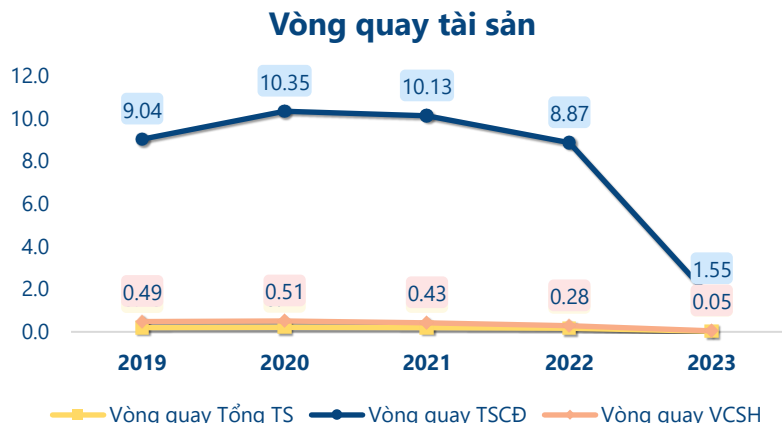
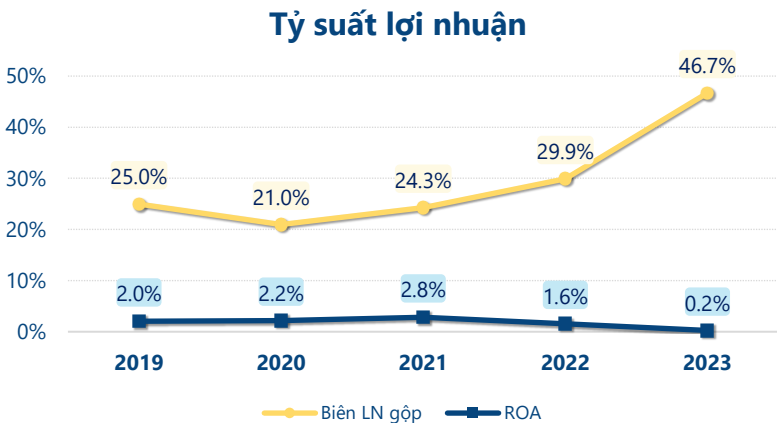
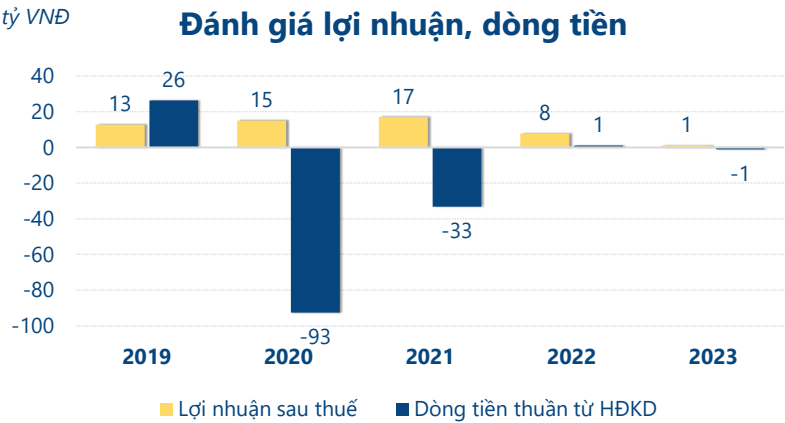


Năm 2023, F-Score của RCL đạt 4/9 không đổi so với năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá thuộc vùng "ổn định".

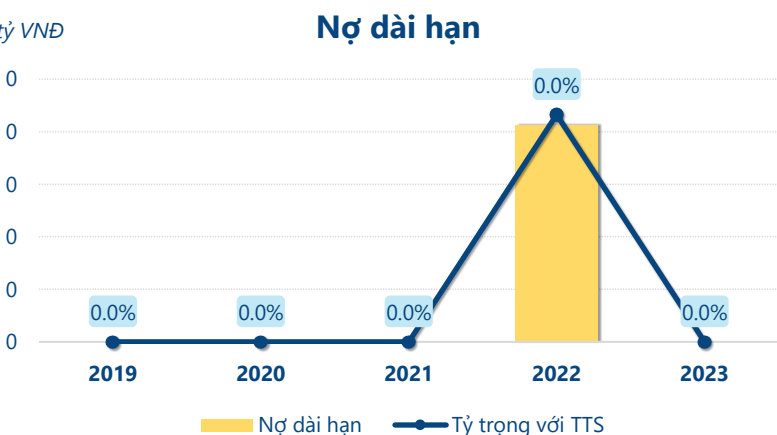
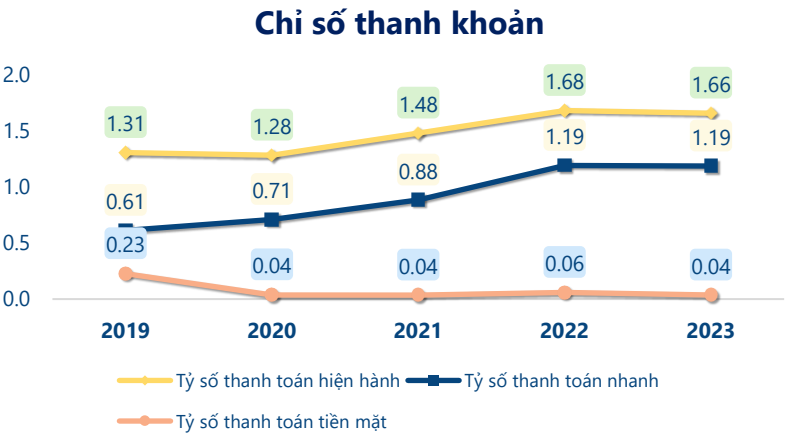
Trong đó, khả năng sinh lời giảm xuống còn 1/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm 2/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm 1/2 ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Địa ốc Chợ Lớn (HNX: RCL)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của RCL: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	471	477	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	305	311	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	6.55	10.9	-40.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.83	3.67	4.4%
Phải thu ngắn hạn	207	206	0.7%
Hàng tồn kho	86.8	90.6	-4.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0	
Tài sản dài hạn	166	166	0.2%
Phải thu dài hạn	27.2	27.2	-0.2%
Tài sản cố định	8.55	8.96	-4.6%
Bất động sản đầu tư	44.9	43.0	4.5%
Tài sản dở dang	80.3	81.4	-1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.33	5.36	-0.6%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	184	185	-0.6%
Nợ ngắn hạn	184	185	-0.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.73	3.12	-12.5%
Nợ dài hạn	0	0.08	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	287	292	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	287	292	-1.6%
Vốn điều lệ	139	139	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	123	145	122	81.4	13.6
Giá vốn hàng bán	92.2	114	92.4	57.1	7.24
Lợi nhuận gộp	30.7	30.4	29.6	24.3	6.35
Doanh thu HĐTC	2.77	6.71	1.37	1.09	1.01
Chi phí TC	0	0.00	0.21	1.24	-0.71
Chi phí lãi vay	0	0	0.05	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.75	10.2	8.66	4.71	0.04
Chi phí QLDN	12.4	10.6	7.37	9.55	6.66
LN thuần từ HĐKD	15.3	16.2	14.8	9.94	1.37
Lợi nhuận khác	0.24	0.03	5.00	-0.06	0.00
LN trước thuế	15.5	16.3	19.8	9.88	1.37
Lợi nhuận sau thuế	12.7	15.0	17.0	7.91	1.16
LNST của CĐ cty mẹ	12.7	15.0	17.0	7.91	1.16

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.4	-92.6	-33.3	1.14	-1.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-53.0	22.1	37.5	1.09	0.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	46.0	-10.1	-10.1	0	-4.16
Tiền đầu kỳ	75.9	95.1	14.5	8.68	10.9
Lưu chuyển tiền thuần	19.3	-80.6	-5.83	2.23	-4.36
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	95.2	14.5	8.68	10.9	6.55